

Số: /KH-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 6 năm 2026

## **KẾ HOẠCH**

**Triển khai thực hiện Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

Thực hiện Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030,

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh như sau:

### **I. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Nghị quyết số 262/2025/QH15 của Quốc hội Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035;

- Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030;

- Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21/4/2020 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh;

- Quyết định số 3845/QĐ-BYT ngày 11/8/2021 của Bộ Y tế ban hành Danh mục một số bệnh, tật bẩm sinh được tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản;

- Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

### **II. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung**

- Tiếp tục quán triệt và triển khai hiệu quả các chủ trương của Đảng, Nhà nước về công tác dân số trong tình hình mới; đẩy mạnh mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh.

- Bảo đảm cung cấp dịch vụ phù hợp với năng lực chuyên môn của từng tuyến y tế; tạo điều kiện để mọi người dân, đặc biệt là đối tượng ở vùng khó khăn, khu công nghiệp, được tiếp cận dịch vụ một cách thuận tiện, an toàn, chất lượng và công bằng.

- Góp phần phát hiện sớm, can thiệp kịp thời các bệnh, tật bẩm sinh; giảm tỷ lệ trẻ sinh ra mắc dị tật, thiếu năng trí tuệ; nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần; giảm gánh nặng bệnh tật cho gia đình và xã hội, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

## **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

***Mục tiêu 1: Nâng cao nhận thức và phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn***

- Tỷ lệ cặp nam, nữ được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90% trong đó ưu tiên nhóm công nhân tại khu công nghiệp.

- 100% trạm y tế xã, phường thực hiện tư vấn và tổ chức khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh...

***Mục tiêu 2: Mở rộng và nâng cao chất lượng sàng lọc, chẩn đoán trước sinh***

- 70% phụ nữ mang thai được khám sàng lọc trước sinh ít nhất 4 loại bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

- Phụ nữ mang thai có kết quả sàng lọc trước sinh nguy cơ cao được chẩn đoán xác định kịp thời theo quy định chuyên môn.

***Mục tiêu 3: Đẩy mạnh sàng lọc, chẩn đoán và can thiệp sớm bệnh, tật sơ sinh***

- 90% trẻ sơ sinh được sàng lọc tối thiểu 05 bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất, được xác định bằng số trẻ sơ sinh được thực hiện sàng lọc theo quy định chia cho tổng số trẻ sinh sống trong năm. Bảo đảm mẫu máu gót chân được lấy đúng thời điểm từ 24 đến 72 giờ sau sinh; được trả kết quả đúng thời gian quy định.

- Trẻ sơ sinh có kết quả sàng lọc nghi ngờ được theo dõi, chẩn đoán xác định và can thiệp sớm theo quy định. Trẻ được chẩn đoán mắc bệnh được quản lý, điều trị và theo dõi tại các cơ sở y tế.

***Mục tiêu 4: Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ và nâng cao năng lực hệ thống y tế***

- 90% Bệnh viện đa khoa, Bệnh viện Sản - Nhi trên địa bàn đủ năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc trước sinh và sơ sinh cơ bản theo hướng dẫn chuyên môn; đồng thời, có ít nhất 90% cán bộ chuyên môn liên quan được đào tạo, cập nhật kiến thức hàng năm, tính trên tổng số cán bộ tham gia thực hiện chương trình.

***Mục tiêu 5: Kiểm soát các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng dân số***

- 100% cơ sở y tế thực hiện đúng quy định về: Không lạm dụng kỹ thuật để lựa chọn giới tính thai nhi; không tiết lộ giới tính thai nhi trái quy định.

- Tỷ số giới tính khi sinh được kiểm soát theo mục tiêu của tỉnh, tiến tới đưa về mức cân bằng tự nhiên.

### III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

#### 1. Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi và mở rộng tiếp cận dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn

##### a) *Đổi mới nội dung, hình thức truyền thông*

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của người dân về ý nghĩa, lợi ích của việc tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; phòng, chống các bệnh di truyền, dị tật bẩm sinh.

- Nội dung truyền thông được xây dựng theo hướng ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với từng nhóm đối tượng, chú trọng các nhóm có nguy cơ cao như thanh niên trong độ tuổi kết hôn, công nhân tại khu công nghiệp, phụ nữ mang thai.

- Đa dạng hóa hình thức truyền thông qua truyền thông trực tiếp tại cộng đồng; lồng ghép trong sinh hoạt đoàn thể; hệ thống truyền thanh cơ sở và các nền tảng số, mạng xã hội. Lồng ghép với các hoạt động, chương trình, đề án liên quan.

##### b) *Mở rộng cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn*

- Tổ chức triển khai dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các cơ sở y tế, đặc biệt từ tuyến xã, phường; từng bước mở rộng đến các cơ sở y tế ngoài công lập.

- Thí điểm và nhân rộng mô hình cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên tại trường học, khu công nghiệp, doanh nghiệp có đông lao động trẻ.

- Phát huy vai trò của trạm y tế xã, phường trong việc tư vấn ban đầu, lập danh sách, quản lý đối tượng trong độ tuổi kết hôn. Đẩy mạnh tư vấn cộng đồng.

##### c) *Lồng ghép sàng lọc bệnh di truyền trong khám sức khỏe trước khi kết hôn*

- Triển khai sàng lọc một số bệnh di truyền phổ biến theo hướng dẫn chuyên môn; bảo đảm chỉ định xét nghiệm hợp lý, tránh lạm dụng kỹ thuật.

- Tăng cường tư vấn di truyền cho các trường hợp có nguy cơ cao.

#### 2. Mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh

##### a) *Chuẩn hóa quy trình chuyên môn*

- Tổ chức triển khai thống nhất quy trình chuyên môn về sàng lọc, chẩn đoán trước sinh theo hướng dẫn của Bộ Y tế, bảo đảm thực hiện đầy đủ các bước từ tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán xác định đến tư vấn di truyền và xử trí phù hợp.

- Thực hiện phân loại nguy cơ, chỉ định kỹ thuật hợp lý, hạn chế lạm dụng dịch vụ kỹ thuật cao; bảo đảm 100% các trường hợp có kết quả sàng lọc nguy cơ cao được chuyển tuyến, chẩn đoán xác định kịp thời theo quy định.

- Từng bước triển khai gói dịch vụ sàng lọc trước sinh cơ bản trên phạm vi toàn tỉnh, đồng thời mở rộng các kỹ thuật chuyên sâu tại tuyến tỉnh phù hợp với năng lực chuyên môn.

*b) Triển khai gói dịch vụ sàng lọc trước sinh theo lộ trình*

- Tổ chức thực hiện gói dịch vụ cơ bản đối với các bệnh, tật bẩm sinh phổ biến; từng bước mở rộng các kỹ thuật chuyên sâu theo năng lực của hệ thống y tế và nhu cầu của người dân.

*c) Nâng cao năng lực chẩn đoán trước sinh*

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở y tế tuyến tỉnh để thực hiện các kỹ thuật chẩn đoán xác định.

- Tăng cường đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới; thiết lập cơ chế hỗ trợ chuyên môn, hội chẩn từ xa giữa các tuyến.

*d) Bảo đảm công tác chuyển tuyến, theo dõi và tư vấn*

- Thiết lập và thực hiện quy trình chuyển tuyến thống nhất, bảo đảm an toàn, kịp thời.

- Tổ chức theo dõi, quản lý chặt chẽ các trường hợp có nguy cơ cao; thực hiện tư vấn di truyền đầy đủ, đúng quy định.

**3. Đẩy mạnh tầm soát, chẩn đoán và can thiệp sớm bệnh, tật sơ sinh**

*a) Tổ chức thực hiện quy trình sàng lọc sơ sinh khép kín*

- Thực hiện đầy đủ, khép kín quy trình sàng lọc sơ sinh từ lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển, xét nghiệm, trả kết quả đến theo dõi và can thiệp sớm; bảo đảm việc lấy mẫu máu gót chân đúng thời điểm từ 24 đến 72 giờ sau sinh theo quy định.

*b) Mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ*

- Triển khai sàng lọc sơ sinh tại tất cả các cơ sở y tế có dịch vụ đỡ đẻ và từng bước tiếp cận đối với trẻ sinh tại nhà thông qua mạng lưới y tế cơ sở.

- Tăng cường tiếp cận dịch vụ đối với các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

*c) Nâng cao năng lực chẩn đoán và can thiệp sớm*

- Xây dựng, củng cố mạng lưới cơ sở y tế có khả năng chẩn đoán xác định và điều trị sớm các bệnh, tật sơ sinh.

- Tăng cường phối hợp liên chuyên khoa (sản, nhi, xét nghiệm, phục hồi chức năng) trong quản lý, điều trị và chăm sóc trẻ mắc bệnh.

*d) Quản lý, theo dõi lâu dài đối tượng*

- Thiết lập hệ thống quản lý, theo dõi trẻ được sàng lọc, đặc biệt là trẻ có kết quả nghi ngờ hoặc mắc bệnh.

- Bảo đảm việc theo dõi, điều trị và can thiệp liên tục, lâu dài tại các tuyến y tế.

**4. Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ và nâng cao năng lực hệ thống y tế**

- Nâng cao năng lực mạng lưới y tế cơ sở: Đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị; đào tạo bác sĩ chuyên khoa; đổi mới hoạt động, cung ứng dịch vụ; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi và tư vấn sức khỏe toàn diện.

- Rà soát, hoàn thiện việc phân tuyến chuyên môn kỹ thuật trong triển khai dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tuyến, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong cung cấp dịch vụ.

- Ưu tiên đầu tư có trọng điểm cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu phục vụ công tác sàng lọc, chẩn đoán tại các cơ sở y tế, tránh dàn trải, nâng cao hiệu quả sử dụng.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ y tế các tuyến; bảo đảm hằng năm có ít nhất 90% cán bộ chuyên môn liên quan được đào tạo, cập nhật kiến thức. Đồng thời, triển khai hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm, bao gồm nội kiểm và ngoại kiểm, chuẩn hóa quy trình chuyên môn nhằm nâng cao độ chính xác, tin cậy của kết quả xét nghiệm.

### **5. Kiểm soát các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng dân số**

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Đồng thời, nâng cao nhận thức và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ y tế thông qua đào tạo, tập huấn và thực hiện cam kết không tiết lộ giới tính thai nhi trái quy định.

### **6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số**

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý chương trình tầm soát, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đối tượng, theo dõi quá trình sàng lọc, chẩn đoán, điều trị và báo cáo, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát và điều hành chương trình.

### **7. Huy động nguồn lực và cơ chế tài chính**

#### *a) Bảo đảm nguồn ngân sách nhà nước*

- Bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương trong dự toán chi thường xuyên hằng năm để thực hiện chương trình.

- Ưu tiên hỗ trợ chi phí dịch vụ sàng lọc đối với các đối tượng chính sách, người nghèo, người dân vùng khó khăn.

#### *b) Đẩy mạnh xã hội hóa*

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, tham gia cung cấp dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở y tế ngoài công lập tham gia chương trình theo quy định.

#### *c) Lồng ghép với các chương trình, nguồn kinh phí hợp pháp khác*

Kết hợp với các chương trình mục tiêu, đề án, dự án có liên quan để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

### **8. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá**

- Tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ việc triển khai thực hiện Kế hoạch tại các địa phương, đơn vị; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; các đơn vị y tế tuyến tỉnh định kỳ cung cấp danh sách đối tượng tham gia sàng lọc về trạm y tế để theo dõi, quản lý theo quy định.

- Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chương trình, làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung giải pháp phù hợp.

#### **IV. KINH PHÍ**

**1.** Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, quỹ bảo hiểm y tế, nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**2.** Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách hiện hành để thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch; đồng thời ưu tiên hỗ trợ đối với các hoạt động trọng tâm như truyền thông, đào tạo, nâng cao năng lực, triển khai dịch vụ sàng lọc tại tuyến cơ sở và hỗ trợ đối tượng chính sách, người dân vùng khó khăn. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

**3.** Nguồn xã hội hóa được huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư, hỗ trợ triển khai các hoạt động của chương trình, đặc biệt là đầu tư trang thiết bị, phát triển dịch vụ kỹ thuật, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ và nâng cao chất lượng phục vụ; khuyến khích các cơ sở y tế ngoài công lập tham gia cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Y tế**

- Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh; có trách nhiệm ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản hướng dẫn chuyên môn, phân tuyến kỹ thuật, quy trình thực hiện thống nhất, bảo đảm cung cấp dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh theo chuỗi liên tục, khép kín.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng chuyên môn và hiệu quả thực hiện chương trình.

- Chủ trì xây dựng và vận hành hệ thống thông tin quản lý chương trình; tổ chức thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, sơ kết, tổng kết; đồng thời tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng chuyên môn và hiệu quả triển khai tại các địa phương, đơn vị.

- Phối hợp các sở, ngành liên quan tham mưu bố trí nguồn lực, cơ chế tài chính; đẩy mạnh xã hội hóa và hợp tác công - tư trong cung cấp dịch vụ.

##### **2. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp.

- Hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện chương trình theo quy định, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí tại các đơn vị, địa phương.

- Tham gia thẩm định các nội dung chi và đề xuất phương án huy động, lồng ghép các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện chương trình.

### **3. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chủ trì lồng ghép nội dung giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên, phòng chống bệnh di truyền, dị tật bẩm sinh vào chương trình giáo dục và hoạt động ngoại khóa phù hợp với từng cấp học.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phối hợp với ngành Y tế tổ chức truyền thông, tư vấn, khám sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên cho học sinh, sinh viên.

- Tạo điều kiện triển khai các mô hình tư vấn khám sức khỏe vị thành niên, thanh niên tại trường học; định kỳ phối hợp đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo theo quy định.

### **4. Bảo hiểm xã hội tỉnh**

- Phối hợp Sở Y tế hướng dẫn thực hiện thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo phạm vi quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế theo quy định.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám, chữa bệnh, góp phần bảo đảm quyền lợi của người dân và nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ bảo hiểm y tế.

### **5. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan**

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành, đoàn thể chủ động phối hợp với Sở Y tế triển khai các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của chương trình vào kế hoạch công tác hằng năm của đơn vị.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia thực hiện các hoạt động tầm soát, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh. Đồng thời, tham gia kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện tại cơ sở theo phân công, góp phần bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả của chương trình.

### **6. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

- Chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức triển khai các hoạt động của kế hoạch tại cơ sở; xây dựng kế hoạch cụ thể hằng năm và cả giai đoạn, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chỉ đạo Trạm Y tế xã phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể thực hiện công tác truyền thông, tư vấn, vận động người dân tham gia khám sức khỏe trước khi kết hôn, tầm soát trước sinh và sơ sinh; lập danh sách, quản lý phụ nữ mang thai, trẻ sơ sinh trên địa bàn; theo dõi, phát hiện và hướng dẫn các trường hợp có nguy cơ tiếp cận dịch vụ y tế phù hợp.

- Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ công tác viên dân số; lồng ghép nội dung dân số, phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết và mất cân bằng giới tính khi sinh vào hương ước, quy ước cộng đồng.

- Chủ động bố trí, quản lý và sử dụng hiệu quả kinh phí được phân cấp và huy động các nguồn lực hợp pháp để hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định.

### **7. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội**

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch; lồng ghép nội dung tầm soát, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh vào các phong trào, cuộc vận động; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về dân số và y tế; góp phần nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân và bảo đảm tính bền vững của chương trình.

## **VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO**

- Các Sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, chủ động tổ chức triển khai thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả về Sở Y tế (cơ quan thường trực) để tổng hợp báo cáo theo quy định.

- UBND các xã, phường thực hiện báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch, lồng ghép trong báo cáo công tác dân số và phát triển hàng năm gửi về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh; các Sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ triển khai thực hiện./.

#### ***Nơi nhận:***

- Bộ Y tế;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VPUBND: VX, TH, LĐVP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Xuân Lợi**

**PHỤ LỤC: CÁC MỤC TIÊU/CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN**  
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

<b>STT</b>	<b>Nội dung mục tiêu/nhiệm vụ trọng tâm</b>	<b>Chỉ tiêu cụ thể/Kết quả đầu ra (2026- 2030)</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>
1	Tăng tỷ lệ cặp nam nữ được tư vấn, khám sức khỏe trước kết hôn	Năm 2026: 50% Năm 2027: 60% Năm 2028: 70% Năm 2029: 80% Năm 2030: 90%	Sở Y tế	Đoàn thanh niên; Liên đoàn Lao động; UBND cấp xã
2	Tăng tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh	Năm 2026: 55% Năm 2027: 60% Năm 2028: 65% Năm 2029: 68% Năm 2030: 70% (đô thị 80%)	Sở Y tế	Bệnh viện tuyến Trung ương; Hội LHPN; UBND cấp xã
3	Tăng tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc	Năm 2026: 55% Năm 2027: 60% Năm 2028: 70% Năm 2029: 80% Năm 2030: 90%	Sở Y tế	Bệnh viện tuyến Trung ương; Hội LHPN; UBND cấp xã
4	Đảm bảo tài chính, ngân sách	Kinh phí được bố trí đầy đủ trong dự toán hằng năm	Sở Tài chính	Sở Y tế; UBND cấp xã
5	Đầu tư công và quy hoạch	80% cơ sở y tế đủ năng lực sàng lọc	Sở Tài chính	Sở Y tế
6	Kiện toàn tổ chức, thi đua khen thưởng	Bộ máy tinh gọn	Sở Nội vụ	Sở Y tế; UBND cấp xã

7	Giáo dục dân số và SKSS trong trường học	Xây dựng mạng lưới tư vấn SKSS học đường	Sở GD&ĐT	Sở Y tế; Tỉnh đoàn
8	Quản lý dữ liệu dân cư	Dữ liệu dân cư được xác thực, chia sẻ	Công an tỉnh	Sở Y tế
9	Nghiên cứu khoa học và công nghệ	Chuyển giao mô hình công nghệ số dân số	Sở KH&CN	Sở Y tế
10	Thống kê chuyên ngành	Số liệu dân số chính xác, thống nhất	Cục Thống kê	Sở Y tế
11	Thanh tra, kiểm tra lựa chọn giới tính	Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm	Thanh tra tỉnh	Các cơ quan liên quan
12	Vận động đoàn viên, hội viên	Phụ nữ, công nhân tiếp cận thông tin SKSS	Đoàn TN; Hội LHPN; LĐLĐ	Sở Y tế; BQL KCN
13	Thực hiện tại cơ sở	100% thôn, khu phố có CTV hoạt động, có chính sách đãi ngộ CTV	UBND cấp xã	Trạm Y tế